Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 14.10.2025 16

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CH VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do phúc
Số: 2766 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, giao dự toán sau khi xác định tiết kiệm kinh phí Ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ báo cáo của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Công Thương về việc xác định kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, giao dự toán sau khi xác định kinh phí tiết kiệm chi Ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ.

(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị thực hiện nộp NSNN đối với kinh phí tiết kiệm từ nguồn thu được để lại chi năm 2025; tổ chức thực hiện dự toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
KINH PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số: 2766/QĐ-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Loại khoản	Tổng cộng kinh phí tiết kiệm	Nguồn phí được để lại		Nguồn chi thường xuyên NSNN (không tự chủ)	
							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng kinh phí tiết kiệm	Điều chỉnh giảm (12)	Điều chỉnh tăng kinh phí tiết kiệm (28)
	Cộng					**19.933,10**	**5.007,00**	**5.007,00**	**14.926,10**	**14.926,10**
1	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	KBNN Khu vực I	1055483	0011	340-341	128,50	-		128,50	128,50
2	Ủy ban Cạnh tranh quốc gia	KBNN Khu vực I	1131518	0011	340-341	762,00	31,00	31,00	731,00	731,00
3	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	KBNN Khu vực I	1052026	0011	340-341	1.548,00	-		1.548,00	1.548,00
4	Cục Xúc tiến thương mại	KBNN Khu vực I	1113499	0011	340-341	200,00	-		200,00	200,00
5	Cục Phòng vệ thương mại	KBNN Khu vực I	1131523	0011	340-341	1.167,00	-		1.167,00	1.167,00
6	Cục Hóa chất	KBNN Khu vực I	1113503	0011	340-341	178,00	50,00	50,00	128,00	128,00
7	Cục Xuất Nhập khẩu	KBNN Khu vực I	1117402	0011	340-341	4.773,00	4.638,00	4.638,00	135,00	135,00
8	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	PGD số 3 -KBNN Khu vực I	1113500	0013	340-341	83,50	18,00	18,00	65,50	65,50
	Cục Điện lực		1135503	0011	340-341	270,00	270,00	270,00	-	
9	Cục Công nghiệp	KBNN Khu vực I	1131529	0011	340-341	158,10	-		158,10	158,10
10	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	PGD số 3 -KBNN Khu vực I	1113501	0013	340-341	55,00	-		55,00	55,00
	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công	PGD số 3 -KBNN Khu vực I	1131521	0013	340-341	-	-		-	
11	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Khu vực I	1053956	0011	340-341	10.610,00	-		10.610,00	10.610,00

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(kèm theo Quyết định số: 2766/QĐ-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Triệu đồng

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Cộng						**(12.950,10)**	**12.950,10**
1	**Cục Công nghiệp**	**1131529**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-309**			
	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ					12	(5.229,60)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	5.229,60
2	**Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế**	**1052026**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Duy trì hệ thống cơ sở dự liệu theo ngành và lĩnh vực về hội nhập					12	(20,00)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	20,00
3	**Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số**	**1113501**	**0013**	**PGD số 3 -KBNN K**	**280-321**			
	Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia					12	(621,60)	
	Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử					12	(300,00)	
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập	1113501	0013	PGD số 3 -KBNN K	280-321	12	(100,00)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	1.021,60
4	**Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại**	**1055532**	**0013**	**PGD số 3 -KBNN K**	**280-321**			
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập					12	(8,30)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	8,30
5	**Báo Công Thương**	**1022389**	**0013**	**PGD số 3 -KBNN K**	**280-321**			
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập					12	(200,00)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	200,00
6	**Nhà xuất bản Công thương**	**1101795**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập					12	(50,00)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	50,00
7	**Cục Phòng vệ thương mại**	**1131523**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Kinh phí triển khai Đề án "Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống Cảnh báo sớm về Phòng vệ thương mại" theo Quyết định số 316/QĐ-Ttg ngày 01 tháng 3 năm 2020					12	(520,00)	

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Kinh phí thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực về PVTM trong bối cảnh tham gia các FTA thế hệ mới" (Quyết định 1659/QĐ-TTg)	1131523	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	(250,00)	
	Kinh phí triển khai đề án tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ: Quyết định số 824/QĐ-TTg	1131523	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	(80,00)	
	Kinh phí thực hiện một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao năng lực PVTM cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại thế hệ mới (Quyết định số 1347/QĐ-BCT)	1131523	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	(20,00)	
	Kinh phí thực hiện "Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025 (Quyết định 755/QĐ-BCT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)	1131523	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	(63,00)	
	Đề án "Thúc đẩy công tác đề nghị Hoa kỳ công nhận VN là quốc gia có nền kinh tế thị trường trong các vụ việc phòng vệ thương mại"	1131523	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	(60,00)	
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập	1131523	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	(212,00)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	1.205,00
8	**Văn phòng Bộ Công Thương**	**1053956**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Xúc tiến thương mại thường xuyên					12	(85,00)	
	Nhiệm vụ cụ thể và kinh phí triển khai kế hoạch thực hiện hiệp định thương mại EVFTA	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-601	
	Nhiệm vụ tái cơ cấu ngành công thương, cơ cấu lại ngành công nghiệp	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-175	
	Nhiệm vụ cụ thể và kinh phí triển khai kế hoạch thực hiện hiệp định thương mại CPTPP	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-361	
	Nhiệm vụ cụ thể và kinh phí triển khai thực hiện hiệp định thương mại UKVFTA	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-197	
	Triển khai đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA Index) hàng năm của các địa phương	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-2	
	Nhiệm vụ cụ thể và kinh phí triển khai trên cổng thông tin điện tử các FTA	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-261	

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Nhiệm vụ cụ thể và kinh phí triển khai kế hoạch thực hiện hiệp định thương mại RCEP	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-120	
	Đề án thúc đẩy DN tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-50	
	Đề án Đẩy mạnh thực hiện các cam kết quốc tế trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giai đoạn 2022-2026 (Quyết định số 1638/QĐ-BCT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-50	
	Kinh phí triển khai Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Israel (VIFTA)	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-150	
	Đề án củng cố, kiện toàn bộ máy, nhân sự, chức năng nhiệm vụ và chế độ, chính sách của các tổ chức pháp chế ngành Công Thương giai đoạn từ 2025 đến 2030	1053956	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-60	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		2.112,00
9	**Cục Xúc tiến thương mại**	**1113499**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Chương trình Thương hiệu Quốc gia	1113499	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-100	
	Chương trình cấp Quốc gia về Xúc tiến thương mại	1113499	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-1375	
	Xúc tiến thương mại thường xuyên	1113499	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-100	
	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 – 2030	1113499	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-200	
	Kế hoạch phối hợp hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ở nước ngoài	1113499	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-125	
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập	1113499	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-134	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		2034
10	**Viện nghiên cứu Da Giầy**	**1054096**	**0023**	**PGD số 9 - KBNN I**	**280-321**			
	Nhiệm vụ tái cơ cấu ngành công thương, cơ cấu lại ngành công nghiệp	1054096	0023	PGD số 9 - KBNN K	280-321	12	-70	
	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững(Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 phê duyệt chương trình)	1054096	0023	PGD số 9 - KBNN K	280-321	12	-70	
	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	1054096	0023	PGD số 9 - KBNN K	280-321	12	-75	
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	1113500	0013	PGD số 3 -KBNN K	280-321	12	-54,2	
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập							

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		269,2
11	**Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương**	**1054054**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Đề án Nghiên cứu phát triển năng lượng vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.					12	-9,2	
	Đề án Nghiên cứu phát triển năng lượng vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-6,4	
	Đề án Nghiên cứu phát triển năng lượng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-16,2	
	Đề án Nghiên cứu phát triển năng lượng vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-16,5	
	Đề án Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách nội địa hóa điện gió ngoài khơi	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-11,3	
	Nghiên cứu định hướng và giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tại các địa phương dọc tuyến biên giới Việt Nam – Lào	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-3,5	
	Nghiên cứu tăng cường kết nối Logistics Việt Nam – Lào	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-4,5	
	Nghiên cứu xây dựng giải pháp và cơ chế, chính sách tăng cường kết nối năng lượng Việt Nam và Lào	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-4,6	
	Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năng lượng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-12	
	Nghiên cứu định hướng sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-15	
	Nghiên cứu ứng dụng của Amiang trắng trong các ngành công nghiệp	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-16,2	
	Nghiên cứu Chiến lược giá điện và giá dịch vụ về điện đến năm 2035	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-11,4	
	Đánh giá năng lực của doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi điện gió ngoài khơi	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-8,9	
	Nhiệm vụ Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tăng cường liên kết vùng trong phát triển thị trường tiêu thụ tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-7,5	

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Tổ chức khóa tập huấn "Xây dựng quy trình bán hàng tự động trên nền tảng số"	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-70	
	Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ ngành Công Thương về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo nhằm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 - TCC	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-15,9	
	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững(Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 phê duyệt chương trình)	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-24,7	
	Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh logistics	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-3,9	
	Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 (Quyết định 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019)	1054054	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-35,2	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		292,9
12	**Cục Xuất Nhập khẩu**	**1117402**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-321**			
	Xúc tiến thương mại thường xuyên					12	-100	
	Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030	1117402	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-50	
	Chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030	1117402	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-10	
	Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh logistics	1117402	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-50	
	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững(Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 phê duyệt chương trình)	1117402	0011	KBNN Khu vực I	280-321	12	-50	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		260
13	**Cục Hóa chất**	**1113503**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**280-338**			
	Đề án kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học và bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019 - 2025					12	-99	
	Đề án "Kế hoạch truyền thông về quản lý hóa chất và phát triển ngành công nghiệp hóa chất giai đoạn 2025-2029"	1113503	0011	KBNN Khu vực I	280-338	12	-50	
	Đề án: Tăng cường thực thi hiệu quả Công ước Minamata về thủy ngân và Công ước Rotterdam (hợp phần hóa chất công nghiệp) tại Việt Nam trong tình hình mới	1113503	0011	KBNN Khu vực I	280-338	12	-16	

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Rà soát, đánh giá, các tiêu chuẩn Quy chuẩn quốc gia về ngành hóa dược	1113503	0011	KBNN Khu vực I	280-338	12	-30	
	Rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển công nghiệp hóa dược	1113503	0011	KBNN Khu vực I	280-338	12	-30	
	Kinh phí không tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập	1113503	0011	KBNN Khu vực I	280-338	12	-22,5	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		247,5

Ghi chú: Tổng kinh phi tiết kiệm giảm 1,168 triệu đồng so với CV số 7728/BCT-KHTC do điều chỉnh kinh phí tiết kiệm của một số đơn vị đã thực hiện tiết kiệm tại QĐ

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Quyết định số: 2766/QĐ-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Triệu đồng

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Cộng					**132,00**	**(205,00)**	**205,00**
1	**Cục Hóa chất**	**1113503**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**250-251**			
	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường					12	(77,20)	-
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	77,20
2	**Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương**	**1054054**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**250-251**		-	-
	Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương					12	(54,10)	-
	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường	1054054	0011		250-251	12	(48,70)	-
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	102,80
3	**Viện nghiên cứu Da Giầy**	**1054096**	**0023**	**PGD số 9 - KBNN Khu vực I**	**250-251**		-	-
	Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương					12	(25,00)	-
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28	-	25,00

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
SỰ NGHIỆP Y TẾ

(kèm theo Quyết định số: 2766/QĐ-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Triệu đồng

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Cộng						**(316.700.000,00)**	**316.700.000,00**
1	**Cục Công nghiệp**	**1131529**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**130-134**			
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ	1131529	0011	KBNN Khu vực I		28		216.700.000
	Kinh phí thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm					12	(216.700.000)	
2	**Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước**	**1055483**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**130-139**			
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ	1055483	0011	KBNN Khu vực I		28		100.000.000
	Kinh phí thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm					12	(100.000.000)	

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
KINH PHÍ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA

(kèm theo Quyết định số: 2766/QĐ-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Triệu đồng

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Cộng						**(60,00)**	**60,00**
1	**Nhà xuất bản Công thương**	**1101795**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**160-171**			
	Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm					12	-60	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		60

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
KINH PHÍ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

(kèm theo Quyết định số: 2766/QĐ-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Triệu đồng

TT	Nội dung	MQHNS	Mã KBNN	Tên KBNN	L_Khoản	Mã nguồn	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng KP tiết kiệm
	Cộng						**(384,00)**	**384,00**
1	**Viện nghiên cứu Da Giầy**	**1054096**	**0023**	**PGD số 9 - KBNN Khu vực I**	**070-083**			
	KP đào tạo nguồn nhân lực cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa					12	(50)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		50
2	**Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương**	**1054054**	**0011**	**KBNN Khu vực I**	**070-085**			
	Đào tạo lại					12	(182)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ	1054054	0011		070-085	28		182
3	**Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương**	**1055491**	**0361**	**KBNN Khu vực V**	**070-093**			
	Kinh phí khắc phục hậu quả do cơn bão số 3					12	(140)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		140
4	**Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Thương mại**	**1055485**	**0026**	**PGD số 4 - KBNN Khu vực I**	**070-093**			
	Chi hoạt động bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập	1055485	0026		070-093	13	(12)	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ					28		12